

VIỆC ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC NHÀ NƯỚC CÔNG NHẬN, TÔN TRỌNG, BẢO VỆ, BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN THEO HIẾN PHÁP 2013 VỚI QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO^(*)

NGUYỄN THỊ QUANG ĐỨC
Khoa Pháp luật Hành chính - Nhà nước,
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 09/3/2022. Sửa chữa xong 15/3/2022. Duyệt đăng 21/3/2022.

Abstract

The article presents the content and meaning of the principle that the State recognizes, respects, protects and ensures human rights and citizens' rights as recognized in Article 14, Clause 1 and Article 3 of the 2013 Constitution. On that basis, the article proposes a number of criteria as well as evaluation contents on the implementation of this principle on the right to freedom of belief and religion.

Keywords: Recognition, respect, protection, assurance, human rights, religion, belief.

1. Dẫn nhập

Quyền con người, quyền công dân là một khái niệm có sự gắn bó mật thiết với nghĩa vụ của nhà nước. Trong xã hội, cá nhân và nhà nước là hai chủ thể có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Đặc biệt trên nền tảng chủ nghĩa hiến pháp, với quan niệm cho rằng nhà nước được lập nên để bảo vệ sự tự do cơ bản cho con người thì nghĩa vụ của nhà nước lại càng trở nên quan trọng. Nó chính là lý lẽ cho sự tồn tại của nhà nước và cũng là mục tiêu xuyên suốt cho mọi hoạt động của nhà nước. Tuy nhiên, nghĩa vụ của nhà nước đối với quyền con người được ghi nhận và cụ thể hóa một cách khác nhau ở trong hiến pháp mỗi nước cũng như trong các văn kiện pháp luật nhân quyền quốc tế. Hiến pháp 2013 của Việt Nam lần đầu đưa ra một loạt nghĩa vụ: công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm chính là thể hiện một bước tiến của chúng ta trong việc ngày càng làm rõ hơn những điều mà nhà nước cần làm để quyền con người được gìn giữ và phát huy tốt hơn. Tinh thần trên đã trở nên sáng tỏ trong bản hiến pháp hiện hành và đã được mong chờ để trở thành hiện thực. Trong thời gian qua, việc thi hành hiến pháp về quyền con người chủ yếu được thực hiện qua việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mà trong đó quan trọng nhất là luật của Quốc hội. Việc đánh giá quá trình thi hành nguyên tắc này, do đó, sẽ phải dựa vào không chỉ nội dung mà còn cả tiến độ của việc các cơ quan nhà nước, trong đó quan trọng nhất là Quốc hội ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của mình. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi trình bày một số định hướng chính trong việc đánh giá và triển khai chúng trên lĩnh vực quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng.

2. Nội dung và ý nghĩa nguyên tắc nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân

Hiến pháp 2013 được đánh giá là một cột mốc với những điểm mới mang tính đột phá, trong đó nội dung về quyền con người được coi là một trong những điểm mấu chốt^[4]. Điều này không chỉ thể hiện ở chỗ về mặt hình thức, vấn đề quyền con người, quyền công dân được đặt ở chương thứ

(*) Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường: “*Lý luận, thực tiễn về nhà nước thế tục trên thế giới và một số gợi mở cho Việt Nam*” của Trường Đại học Luật Hà Nội.

lành đã được ghi nhận. Điều đó có nghĩa là, để thực hiện tốt nghĩa vụ này, cần có sự tham chiếu tới các chuẩn mực pháp lý quốc tế để ghi nhận vào hiến pháp.

Nghĩa vụ tôn trọng: Nhà nước được lập nên thông qua sự trao quyền của người dân để tạo dựng một bộ máy có khả năng duy trì trật tự, bảo đảm tự do cho xã hội. Vì vậy, trong vấn đề quyền con người, nhà nước cần phải tôn trọng, nghĩa là không được xâm phạm và đối xử một cách tùy tiện. Điều này rất quan trọng vì nhà nước là tổ chức mang quyền lực công. Nếu nhà nước không có thái độ tôn trọng hoặc xao nhãng về quyền con người thì hệ lụy của nó sẽ rất lớn. Điều này cũng đã được thể hiện ở một nguyên tắc rất quan trọng về quyền con người của Hiến pháp 2013 đó là nguyên tắc hạn chế quyền con người tại Điều 14, Khoản 1. Theo đó, mọi sự hạn chế quyền con người của nhà nước đều chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết và phải dựa theo quy định của luật.

Nghĩa vụ bảo vệ: Nhà nước được thành lập nhằm bảo vệ quyền con người. Đây là nghĩa vụ mang tính chất chủ động mà nhà nước phải tuân thủ và thực hiện. Điều đó có nghĩa là, bất cứ sự xâm phạm quyền con người nào trong xã hội đều phải được ngăn chặn và trừng phạt. Qua đó, quyền con người của từng cá nhân sẽ được bảo vệ. Bảo vệ quyền con người có thể được thực hiện thông qua nhiều cơ chế, bao gồm cả các cơ quan lập pháp, tư pháp, hành pháp lẫn các loại hình cơ quan hiến định độc lập. Trong Hiến pháp 2013, các cơ quan nhà nước, trong đó đặc biệt là cơ quan tư pháp đã được nhấn mạnh hơn vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền con người.

Nghĩa vụ bảo đảm: Bảo đảm được hiểu là chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt một hoạt động. Ở đây, bảo đảm quyền con người được hiểu là một nghĩa vụ mà ở đó nhà nước cung cấp các điều kiện về kinh tế, hạ tầng xã hội, thể chế.v.v. để người dân có thể thực hiện quyền của mình một cách hiệu quả nhất. Nghĩa vụ bảo đảm được coi là nghĩa vụ chủ động nhất bởi nhà nước phải liên tục đáp ứng những nhu cầu của người dân trong việc thực hiện quyền con người. Trong khi đó, nhu cầu của họ luôn luôn thay đổi theo hoàn cảnh kinh tế, lịch sử. Vì vậy, nhà nước luôn phải có những bước đi nhằm theo kịp những đổi thay đó.

Có thể thấy, quy định và tinh thần của nguyên tắc nhà nước công nhân, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người theo Hiến pháp 2013 khá tương đồng với những chuẩn mực của luật nhân quyền quốc tế. Cụ thể, theo nhận thức chung, nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người thể hiện ở ba hình thức dưới đây [1]:

Thứ nhất, nghĩa vụ tôn trọng (obligation to respect): Nghĩa vụ này đòi hỏi các nhà nước phải kiểm chế không can thiệp, kể cả trực tiếp hoặc gián tiếp, vào việc hưởng thụ các quyền con người của các chủ thể quyền. Đây được coi là một nghĩa vụ thụ động (negative obligation) bởi lẽ nó không đòi hỏi các nhà nước phải chủ động đưa ra những sáng kiến, biện pháp hay chương trình nhằm hỗ trợ các công dân trong việc hưởng thụ các quyền. Nghĩa vụ này đặc biệt liên quan đến các quyền dân sự và chính trị (các quyền thụ động).

Thứ hai, nghĩa vụ bảo vệ (obligation to protect): Nghĩa vụ này đòi hỏi các nhà nước phải ngăn chặn sự vi phạm quyền con người của các bên thứ ba. Đây được coi là một nghĩa vụ chủ động (positive obligation) bởi để ngăn chặn sự vi phạm quyền con người của các bên thứ ba, nhà nước phải chủ động đưa ra những biện pháp và xây dựng những cơ chế phòng ngừa, xử lý những hành vi vi phạm. Nghĩa vụ này liên quan đến tất cả các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tuy nhiên gắn ơn với các quyền dân sự và chính trị.

Thứ ba, nghĩa vụ thực hiện (obligation to fulfil): Nghĩa vụ này đòi hỏi các nhà nước phải có những biện pháp nhằm hỗ trợ công dân hưởng thụ đầy đủ các quyền con người. Đây cũng được coi là nghĩa vụ chủ động, bởi nó yêu cầu các nhà nước phải có những kế hoạch, chương trình cụ thể để bảo đảm cho mọi công dân có thể hưởng thụ đến mức cao nhất có thể các quyền con người. Nghĩa vụ này liên quan mật thiết đến các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (các quyền thụ động).

nước, với cộng đồng nhằm góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng nhu cầu tâm linh và đời sống tinh thần của nhân dân. Đây là những sự đảm bảo rất quan trọng để người dân có thể thực hiện được quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa có trong tôn giáo, tín ngưỡng. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định nghiêm cấm các hành vi như: Phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập, thống nhất đất nước...

Về chủ thể hưởng quyền, Hiến pháp năm 2013 quy định chủ thể của quyền này là "mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo". Dự theo đó, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 2016 đã quy định chủ thể của quyền là mọi cá nhân trong xã hội, gồm công dân, người nước ngoài, người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang thi hành án phạt tù... Tuy nhiên, giữa các chủ thể này lại được hưởng quyền khác nhau tùy theo từng trường hợp, điều kiện cụ thể, như người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang thi hành án phạt tù chỉ được mang kinh sách, được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng tôn giáo tại nơi giam giữ mà không được thực hiện các quyền khác. Theo chúng tôi, pháp luật thi hành án hình sự cũng nên có quy định về việc cho phép thực hiện nghi lễ tôn giáo vào thời gian nhất định trong tuần hoặc trong tháng nếu số phạm nhân theo tôn giáo ấy tại nơi giam giữ đạt đến một số lượng nào đó. Đối với mỗi cá nhân, có lẽ không tòa án nào nghiêm khắc bằng Tòa án lương tâm, việc đánh thức lương tâm của người từng phạm tội bằng các điều răn dạy của tôn giáo rất có ý nghĩa và có lẽ cũng đạt hiệu quả nhất định trong việc giáo dục và uốn nắn các phạm nhân. Tôn giáo nào cũng hướng tới một mục đích tác động nhằm hướng thiện con người. Sự rao giảng ân cần của những người truyền giáo rất có thể chạm đến lòng trắc ẩn của mỗi phạm nhân, giúp họ nhận ra sai lầm và quyết tâm hướng thiện. Thiết nghĩ, kết hợp đa dạng các biện pháp giáo dục cải tạo người chấp hành án là việc nên làm, đồng thời lại bảo đảm quyền được đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của con người trong thi hành án hình sự [3].

4. Kết luận

Nguyên tắc nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người có ý nghĩa rất quan trọng vì nó làm khắc sâu trách nhiệm của nhà nước đối với cá nhân. Việc ghi nhận nguyên tắc này trong hiến pháp chính là bước khởi đầu cho một lối hành xử tốt hơn của nhà nước đối với con người.

Đối với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; trên cơ sở nhận thức đây là một quyền hết sức quan trọng, gắn liền với đời sống tinh thần của nhiều cá nhân; Nhà nước ta đã có một khung khổ pháp lý tương đối đầy đủ để bảo đảm quyền này. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng để đáp ứng một cách tuyệt đối quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng là một điều rất khó khăn; đặc biệt là đặt trong hoàn cảnh đầy cũng là một lĩnh vực còn nhiều nhạy cảm. Vì vậy, trong tương lai, bên cạnh các giải pháp hoàn thiện pháp luật, việc thực thi các chính sách tín ngưỡng, tôn giáo theo hướng xây dựng một môi trường tín ngưỡng, tôn giáo lành mạnh, giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc là một yêu cầu cũng như nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để có thể bảo đảm hơn nữa quyền này cho toàn bộ công dân Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng (2012), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Đoàn Thị Ngọc Hải (2018), *Chế định quyền nhân thân trong pháp luật dân sự Việt Nam*. Nguồn: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2366>, truy cập ngày 01/3/2022.
- [3] Nguyễn Thị Lan (2015), *Một số kiến nghị để hoàn thiện pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam nhằm bảo vệ quyền con người của người chấp hành án phạt tù*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, số 3.
- [4] Hoàng Thế Liên (chủ biên, 2015), *Hiến pháp 2013 - Những điểm mới mang tính đột phá*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thanh Tuấn (2017), *The chế pháp quyền của công dân và của Nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản, tháng 9.

giữa thầy cô và SV; Quan hệ giữa nhà trường và SV; Quan hệ giữa gia đình và SV; Quan hệ giữa xã hội và SV.

2.1.2. Mạng xã hội

MXH có thể hiểu là một trang web hay nền tảng trực tuyến với rất nhiều dạng thức và tính năng khác nhau, giúp mọi người dễ dàng kết nối từ bất cứ đâu. MXH có thể truy cập dễ dàng từ nhiều phương tiện, thiết bị như máy tính, điện thoại,... Trên thế giới hiện nay có rất nhiều ứng dụng MXH được sử dụng. Ở Việt Nam, một số MXH đang được sử dụng phổ biến như: Facebook, Zalo, Youtube, Instagram,... Đặc điểm chung của MXH: Đây là một ứng dụng được sử dụng trên nền tảng Internet; Tất cả nội dung trên MXH đều do người dùng tự tạo ra, tự chia sẻ; Mỗi người dùng trên MXH đều phải tạo tài khoản, hồ sơ riêng; MXH sẽ kết nối tài khoản người dùng đến các tài khoản cá nhân, tổ chức khác thông qua tài khoản ảo do người dùng tạo ra.

2.2. Thực trạng và một số kiến nghị về tác động của MXH tới cấu trúc VHHD tại Đại học Thái Nguyên

2.2.1. Vài nét về Đại học Thái Nguyên và SV Đại học Thái Nguyên

Đại học Thái Nguyên là một trong 5 đại học của Việt Nam thực hiện theo mô hình đại học hai cấp, được giao trọng trách là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn. Đồng thời thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của vùng trung du, miền núi phía Bắc [2]. SV Đại học Thái Nguyên đến từ các khu vực khác nhau từ thành thị đến nông thôn, miền núi, chủ yếu ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Cũng giống như SV cả nước, SV Đại học Thái Nguyên luôn năng động, sáng tạo, nhiệt huyết, họ không ngừng học tập, rèn luyện để sau khi tốt nghiệp trở thành những người có ích cho Tổ quốc, góp phần tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Trung du và miền núi phía Bắc và trong cả nước.

2.2.2. Những tác động của MXH tới cấu trúc VHHD

a. Thiết kế nghiên cứu: Nhóm tác giả tiến hành khảo sát 1.104 SV ở tất cả các ngành đào tạo của 11 đơn vị thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên qua hình thức khảo sát trực tuyến qua google form.

b. Kết quả khảo sát

Các MXH mà SV Đại học Thái Nguyên sử dụng: - Facebook: 85,7%; - Zalo: 4,7%; - Instagram: 3,4%; - Youtube: 5,1%; - Khác: 1,2%.

Thời gian sử dụng MXH của SV Đại học Thái Nguyên: - Dưới 1 giờ/ngày: 5,3%; - 1-3 giờ/ngày: 37,1%; - 3-5 giờ/ngày: 33,4%; - Trên 5 giờ/ngày: 24,2%.

Mục đích sử dụng MXH của SV Đại học Thái Nguyên:

Nội dung	Có (%)	Không (%)
Cập nhật thông tin	97,8	2,2
Làm quen với bạn mới và giữ liên lạc với bạn cũ	90,0	10,0
Liên lạc với gia đình, bạn bè	97,3	2,7
Chia sẻ thông tin (hình ảnh, video, status)	79,8	20,2
Giải trí	94,6	5,4
Công cụ học tập và làm việc	94,2	5,8
Mua sắm online	63,0	37,0
Tìm kiếm việc làm	63,3	36,7
Bán hàng online	30,9	69,1
Khác	85,0	15,0

Ý kiến về tác động tích cực của MXH đối với SV Đại học Thái Nguyên:

tuyển sẽ đảm bảo chương trình và thời gian đào tạo của nhà trường. Thầy - trò vẫn nghiêm túc thực hiện các bước lên lớp như học trực tiếp, GV vẫn là người hướng dẫn, thuyết giảng giúp SV nắm vững các bài học. Tuy vậy, mối quan hệ thầy - trò đã bị ảnh hưởng nhiều. 60% số SV được khảo sát đều cho rằng, học trực tuyến có ảnh hưởng không nhỏ tới quan hệ thầy - trò. Khi học trực tuyến thông tin kiến thức được chia sẻ ít hơn; nhiều SV chia sẻ công khai ID, Pass phòng học online làm cho những kẻ xấu xâm nhập vào lớp học và sử dụng những từ ngữ không đúng với thuần phong mỹ tục với mục đích gây gián đoạn giờ học, GV không thể tiếp tục giảng dạy, làm ảnh hưởng tới chất lượng giờ học; nhiều SV chỉ đăng nhập lớp học, tắt micro, tắt camera để làm việc riêng, tự do ra vào lớp học, nhiều SV học tập thiếu nghiêm túc, chống đối; một số SV khi bị GV nhắc nhở, họ có thái độ ngang bướng, bảo thủ, cãi lại GV, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của GV... với SV ngành Y Dược, khi học online sẽ rất khó khăn đối với các môn học có học phần lâm sàng.

b. Quan hệ giữa nhà trường và SV

SV là thành tố quan trọng ở trường đại học. Trong quá trình đào tạo, SV là trung tâm, đối tượng được toàn thể cán bộ, viên chức của trường quan tâm, giúp đỡ. Theo đó, SV có quan hệ trực tiếp với tất cả các bộ phận trong trường. Có thể nhận ra hai mối quan hệ tương tác cơ bản sau đây: giữa cán bộ quản lý với SV; giữa cán bộ các phòng ban, chức năng với SV. Hệ thống lãnh đạo trực tiếp ở các trường đại học hiện nay gồm có: Đảng ủy, Ban Giám đốc/Giám hiệu, Hội đồng Trường, Phòng/Ban Đào tạo, Phòng/Ban công tác HS-SV và Ban Chủ nhiệm các khoa.

c. Quan hệ giữa gia đình và SV

Khi bước vào giảng đường đại học, phần lớn SV sống xa gia đình, họ phải tự lập từ học tập đến mọi vấn đề trong cuộc sống thường ngày. Trước những bỡ ngỡ, lạ lẫm của cuộc sống xa gia đình, nhiều SV phải tự tìm cho mình một cách thích ứng phù hợp với cá nhân trong cộng đồng. Qua đó, họ càng thêm vững vàng trong cuộc đời. Khảo sát SV các trường thuộc Đại học Thái Nguyên chúng tôi nhận thấy rõ những gắn kết của họ với gia đình, nhất là khi họ gặp những niềm vui và nỗi buồn trong học tập và cuộc sống, hầu hết họ đều tìm đến sự chia sẻ từ bố mẹ (chiếm 34,5% - tỷ lệ cao nhất).

Tình cảm gia đình đối với SV đại học có liên quan đến chất lượng học tập và VHHD khá lớn. Đó là nguồn động lực mạnh mẽ, vô tận với SV để các em yên tâm, phấn khởi đèn sách trong những năm học đại học. Đối với những năm tháng đang trưởng thành ở môi trường đại học, các em có rất nhiều thay đổi về cả thể chất và tinh thần, lý trí và tình cảm. Đây là thời kỳ nhạy cảm nhất của cuộc đời vì trong thời gian này các em có nhiều hy vọng nhưng cũng dễ rơi vào bi quan, thất vọng. Nếu thiếu vắng sự định hướng, quan tâm kịp thời của gia đình có thể các em sẽ từ bỏ con đường đèn sách học hành và rẽ sang một ngã khác nên cha mẹ cần phải nghiêm khắc với con em mình, đồng thời cũng phải sẵn sàng chia sẻ, động viên, bao dung để các em không cảm thấy cô đơn, nhất là khi gặp phải những khó khăn, thử thách.

d. Quan hệ giữa xã hội và SV

Kinh tế thị trường đã tác động đến ngành Giáo dục trên nhiều phương diện khác nhau và ở nhiều quy mô khác nhau nhưng suy cho cùng, những tác động đó đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến thầy - trò. Về ưu điểm, phát triển kinh tế thị trường mang lại nhiều ngành nghề mới, nhiều trường đại học, cao đẳng được ra đời ở các địa phương, tạo điều kiện cho GV tham gia giảng dạy và SV vùng sâu, vùng xa có nhiều cơ hội tốt hơn, thuận lợi hơn trong quá trình học tập nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực miền núi, trung du, hải đảo. Kinh tế thị trường mở đường cho các trường đại học trở nên năng động hơn và được trao quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính và về giảng dạy. Bên cạnh đó, kinh tế thị trường cũng làm phát sinh một số tiêu cực trong ngành Giáo dục, nhiều hiện tượng quay cóp, gian lận trong học hành, thi cử vẫn chưa bị đẩy lùi. Phương pháp và cách thức đánh giá tài năng SV còn có khi thiếu khách quan, chưa sát thực. Hiện tượng chạy điểm, xin điểm vẫn còn phổ biến, người tài năng thực sự chưa được trọng dụng và đãi ngộ kịp thời, thỏa đáng đã tạo ra sức ỳ và tâm lý ỷ lại vào cha mẹ, làm mất đi ý